

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018**

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện Mèo Vạc báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2018, cụ thể như sau:

#### ***Phần thứ nhất:***

### **TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM**

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15, Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 16/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Mèo Vạc về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh năm 2018. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018, đồng thời tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 tới các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn<sup>1</sup>; chỉ đạo các ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai và giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 tới từng thôn bản và tới từng hộ dân trên địa bàn<sup>2</sup>. Trong 6 tháng đầu năm 2018, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển, công tác quốc phòng - an ninh được củng cố, ổn định, không xảy ra các vụ việc phức tạp. Trong tổng số 24 chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện giao, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo thực hiện 04 chỉ tiêu đạt từ 70% KH giao trở lên<sup>3</sup>, 02 chỉ tiêu đạt từ 50% - 70% KH giao<sup>4</sup>, 02 chỉ tiêu đạt dưới 50% KH giao<sup>5</sup>; 16 chỉ tiêu còn lại đánh giá vào cuối năm. Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN TỪNG LĨNH VỰC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

#### **1. Lĩnh vực kinh tế**

<sup>1</sup> Ngày 21/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Chương trình hành động số 11/CTr-UBND, ngày 26/12/2017 về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018.

<sup>2</sup> Ngay trong tháng 1 năm 2018, 18/18 xã, thị trấn đã triển khai và giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 tới 100% thôn bản và từng hộ dân trên địa bàn.

<sup>3</sup> Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm; số xã, thị trấn duy trì chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi; số Trạm y tế xã, thị trấn và Phòng khám đa khoa khu vực có bác sĩ làm việc; tỷ lệ hộ dân cư dùng điện lưới quốc gia;

<sup>4</sup> Chỉ tiêu: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống.

<sup>5</sup> Chỉ tiêu: Thu ngân sách trên địa bàn (thuế và phí); giá trị sản xuất CN-TCN.



## **1.1. Lĩnh vực nông lâm nghiệp, nông thôn**

### **a. Sản xuất nông lâm nghiệp**

**Trồng trọt:** Trong 6 tháng đầu năm 2018, thời tiết diễn biến phức tạp, rét đậm, rét hại, sương muối, hạn hán ở những tháng đầu năm, mưa to kèm theo tố lốc, mưa đá đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất nông lâm nghiệp tại địa bàn huyện. Nhưng với sự cố gắng, nỗ lực của cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện, tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp đã đạt được những kết quả nhất định. Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm được 16.641,2 ha<sup>6</sup>, trong đó diện tích một số cây trồng chính như cây lúa xuân, cây ngô xuân hệ diện tích gieo trồng đạt 100% kế hoạch sản xuất vụ xuân; diện tích cỏ chăn nuôi trồng mới được 168/250 ha (*riêng diện tích cỏ chuyển đổi theo Nghị quyết 07-NQ/HU được 60 ha, đạt 100% kế hoạch năm*).

**Chăn nuôi - thú y:** Công tác phát triển chăn nuôi gia súc, đặc biệt là chăn nuôi bò hàng hóa được quan tâm chỉ đạo. Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay mua trâu, bò theo Nghị quyết số 209/2015/NQ-HĐND và Nghị quyết 86/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Giang, tổng đàn gia súc toàn huyện 84.887 con, đạt 91,81% kế hoạch năm<sup>7</sup>, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,48% (*tăng 2.857 con*). Công tác vệ sinh, phòng bệnh cho gia súc được triển khai thường xuyên, đã tiêm phòng được 58.525 liều vắc xin các loại, đạt 31,81% kế hoạch, tăng 102,51% so với cùng kỳ năm trước. Tình hình đàn gia súc ổn định, không xảy ra dịch bệnh lớn trên đàn gia súc, gia cầm, tuy nhiên, trong những tháng đầu năm 2018 trên địa bàn xã Thượng Phùng có 16 con gia súc chết (*trâu, bò*) do rét đậm, rét hại.

**Công tác kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y:** Được chỉ đạo thường xuyên, trong 6 tháng, kiểm dịch động vật vào địa bàn huyện được 102 chuyến xe ô tô<sup>8</sup>; kiểm tra, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y tại chợ trung tâm huyện được 738 con gia súc, thu phí được 5,250 triệu đồng.

**Công tác bảo vệ và phát triển rừng:** Thường xuyên chỉ đạo tăng cường công tác bảo vệ rừng, đẩy mạnh phát triển rừng tại địa bàn. Đến nay, huyện đã trồng được 24,5 nghìn cây phân tán, đạt 4,9% kế hoạch; trồng được 76,3 ha rừng sản xuất; bảo vệ được 20.815 ha rừng, đạt 99,15% KH; chăm sóc 368,5 ha rừng đạt 56,43% KH. Công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng, cấp phát gạo bảo vệ rừng được triển khai kịp thời, đúng đối tượng<sup>9</sup>. Công tác tuần tra, bảo vệ rừng,

<sup>6</sup> Cây lúa xuân đã trồng 100 ha, đạt 100% KH, so với cùng kỳ năm trước đạt 96,15%; Cây ngô vụ xuân hệ đã trồng 7.033 ha, đạt 100% KH, so với cùng kỳ năm trước đạt 98,8%; Cây đậu tương vụ xuân hệ đã trồng 750 ha, đạt 93,75% KH, so với cùng kỳ năm 2017 đạt 88,24%.

- Cây thức ăn gia súc hiện có 4.918 ha, trong đó: diện tích trồng mới 168/250ha đạt 67,2% KH năm.

- Cây chất bột có củ 232,2 ha, đạt 64,81%KH; Cây thực phẩm 3.608 ha, đạt 82,9%KH.

<sup>7</sup> Trong đó: Trâu 4.334 con, đạt 99,47%KH, tăng 3,81 % so với cùng kỳ năm trước; Bò 29.232 con, đạt 98,24% KH, tăng 4,44 % so với cùng kỳ năm; Lợn 31.541 con, đạt 88,30% KH, tăng 5,21 % so với cùng kỳ năm trước; Dê 19.690 con, đạt 87,45% KH; Ngựa 90 con, đạt 85,71% KH; đàn gia cầm 376.395, đạt 75,07% KH, so với cùng kỳ năm trước tăng 14,18%; đàn Ong 6.533 đàn tăng 78,99% so với cùng kỳ năm trước, đạt 46,66%KH.

<sup>8</sup> Trong đó: 61 chuyến gia súc = 2.220 con (gồm: 34 xe lợn = 1.150 con, 27 xe trâu = 1.070 con) và 41 chuyến gia cầm = 14.530 con.

<sup>9</sup> Đã thực hiện chi trả 8.617.667.659 đồng kinh phí từ dịch vụ môi trường rừng cho cộng đồng 181/181 thôn bản trên địa bàn huyện, hoàn thành 100% kế hoạch; cấp phát 329,029 tấn gạo bảo vệ rừng đợt 1/2018 cho các hộ dân tại địa bàn 18 xã, thị trấn.



tuyên truyền phòng cháy rừng được triển khai đến từng thôn bản. Trong 6 tháng, trên địa bàn huyện không xảy ra cháy rừng, phát hiện và xử lý 06 vụ vi phạm Luật bảo vệ phát triển rừng<sup>10</sup>.

*Công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật:* Chỉ đạo các ngành chuyên môn phối hợp với UBND các xã, thị trấn tập huấn kỹ thuật cho nông dân trên địa bàn huyện được 227 buổi thu hút 9.510 lượt người tham gia. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh tổ chức 04 lớp tập huấn cho đội ngũ khuyến nông không chuyên trách, trưởng ban thú y với 140 học viên tham gia. Trong 6 tháng đã triển khai thực hiện 4 mô hình và 2 chương trình khuyến nông<sup>11</sup>.

*Một số chương trình trọng tâm lĩnh vực nông nghiệp:* Thực hiện Nghị quyết số 209/2015/NQ-HĐND và Nghị quyết số 86/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Chỉ đạo các ngành, UBND các xã, thị trấn phối hợp tuyên truyền và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tiếp cận nguồn vốn; trong 6 tháng đã giải ngân 11,950 tỷ đồng cho 168 hộ vay. Kế hoạch thụ tinh nhân tạo cho đàn bò cái: đã thực hiện được 265/1.000 con bò cái đạt 26,5% KH. Đề án quy tụ dân cư: đã thực hiện được 42/44 hộ, đạt 90,91%<sup>12</sup>. Chỉ đạo các ngành, UBND các xã, thị trấn tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch trọng tâm khác thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn<sup>13</sup>.

#### *b. Chương trình xây dựng nông thôn mới*

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các xã tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2018, gắn với triển khai chương trình 1 triệu tấn xi măng. Ban hành và triển khai kế hoạch số 81/KH-UBND, ngày 20/3/2018 về xây dựng Quỹ "Chung tay xây dựng nông thôn mới" huyện Mèo Vạc, giai đoạn 2018 - 2020<sup>14</sup>; kế hoạch phát động làm đường giao thông nông và phát triển sản

<sup>10</sup> Trong đó: 04 vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật; 02 vụ khai thác rừng trái phép.

<sup>11</sup> Gồm: Mô hình chuyển giao kỹ thuật canh tác ngô thuần sử dụng phân bón một lần (phân viên nén), tại Thôn Hồ Quảng Phìn, xã Giàng Chu Phìn với Quy mô 06 ha; Mô hình: Thâm canh ngô thương phẩm kết hợp với chuyển giao máy vun, xới ngô tại Thôn Cá thể Bản Tông, xã Niêm Sơn; Mô hình trồng thử nghiệm 06 giống ngô mới gồm: AG59; Pioneer P4311, DTC6869, DS9998; LVN17 và LVN192 tại 07 xã với tổng diện tích 2.2 ha; Mô hình khuyến nông địa phương năm 2017: "Nuôi bò cái sinh sản sử dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo, kết hợp trồng khai thác chế biến dự trữ củ vụ đông" tại xã Nậm Ban: quy mô ban đầu 10 con bò cái sinh sản và 01 ha cỏ; Chương trình phục tráng giống Ngô tẻ vàng năm 2018: Chương trình trồng thử nghiệm giống chuối tiêu xanh nhân giống bằng công nghệ Invitro.

<sup>12</sup> Trong đó: xã biên giới 14/14 hộ (thôn biên giới 4/4 hộ, thôn nội địa 10/10 hộ), xã Sơn Vĩ đề nghị điều chỉnh 01 hộ (hộ thuộc thôn nội địa), do không có khả năng thực hiện, đối với hộ thay thế xã đã chỉ đạo thực hiện xong việc di dời; xã nội địa 26/30 hộ. Tổng nguồn vốn được bố trí năm 2018 là 1.052,0 triệu đồng (gồm: Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình là 1.030,0 triệu đồng, chi phí quản lý 22,0 triệu đồng) đã giải ngân được 498 triệu đồng.

<sup>13</sup> Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 13/3/2018 về triển khai cánh đồng mẫu gần với 5 cùng, năm 2018 kết quả đến nay đã chọn được 44 hộ với 10 ha thực hiện trong vụ mùa; Kế hoạch số 69/KH-UBND, ngày 13/3/2018 về xây dựng thôn, xã điển hình về phát triển kinh tế nông nghiệp năm 2018 đến nay đã có 3 xã đạt 3 tiêu chí: Nậm Ban, Niêm Sơn, Tát Ngà; Kế hoạch số 71/KH-UBND, ngày 13/3/2018 về củng cố tổ hợp tác thôn, HTX nông nghiệp, kết quả đến nay đã thành lập mới được 1 HTX, lũy kế đến nay có 27 tổ hợp tác sản xuất; Kế hoạch số 72/KH-UBND, ngày 13/3/2018 về thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2018, kết quả đã hỗ trợ 13,5 tấn giống đậu tương cho 11 xã để triển khai thực hiện vụ Hè thu, hỗ trợ 97 tấn phân bón cho 2 xã diện tích 150 ha thực hiện bón cho diện tích lúa vụ mùa; Kế hoạch số 74/KH-UBND, ngày 13/3/2018 về thực hiện Đề án nửa triệu con đại gia súc hàng hóa tỉnh Hà Giang giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến 2025, kết quả tăng trưởng đàn trâu, bò toàn huyện có 33.631 con trâu, bò (gồm: trâu 4.334 con và 29.232 con bò), tăng tự nhiên 574 con, xuất chuồng 177 con.

<sup>14</sup> Kết quả đóng góp của các cá nhân, tổ chức được 154 triệu đồng.



xuất, nâng cao thu nhập<sup>15</sup> cho người dân giai đoạn 2018-2020. Trong 6 tháng, truyền hình đã xây dựng và phát sóng được 27 tin thời sự, phóng sự, chuyên mục, chuyên trang về xây dựng nông thôn mới, phổ biến văn bản được 21 lượt; về truyền thanh đã xây dựng và phát sóng được 33 tin thời sự, phổ biến văn bản được 23 lượt; tổ chức đăng báo được 18 bài; tuyên truyền miệng được 107 buổi với 9.684 lượt người tham gia; vận động nhân dân hiến được 11.219 m<sup>2</sup> đất và đóng góp được 10.006 ngày công lao động; tiến hành mở mới được 7.480 m và nâng cấp được 22.204 m đường trục thôn, liên thôn. Các xã đã phát động 42 buổi chung sức xây dựng nông thôn mới và ra quân làm đường giao thông nông thôn<sup>16</sup>. Chương trình 1 triệu tấn xi măng, đã tổ chức cung ứng được 770 tấn xi măng cho 18 xã, thị trấn đạt 12,54% KH, đổ bê tông được 2.275 mét đường giao thông<sup>17</sup>; kế hoạch vốn giao là 22 tỷ đồng, đã giải ngân được 7,469 tỷ đồng đạt 33,95 % KH.

### *c. Công tác phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai*

Trong 6 tháng đầu năm 2018, trên địa bàn huyện xảy ra rét đậm, rét hại kéo dài và mưa to kèm theo tố lốc, mưa đá đã gây thiệt hại về tài sản, nhà cửa, hoa màu của người dân và một số công trình của nhà nước<sup>18</sup>, ước tổng thiệt hại 3.375,4 triệu đồng. Ngay sau khi xảy ra Ban chỉ huy PCTT & TKCN huyện đã xuống kiểm tra tình hình tại các xã để chỉ đạo Ban chỉ huy các xã, thị trấn sử dụng nguồn dự phòng ngân sách hỗ trợ cho các hộ bị thiệt hại khẩn trương khắc phục hậu quả đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân.

### **1.2. Công nghiệp, giao thông quản lý đô thị, xây dựng cơ bản, quy hoạch**

**Công nghiệp, thủ công nghiệp:** Giá trị công nghiệp - TCN trong 6 tháng đạt 293,960 tỷ đồng, đạt 31,61% KH, so với cùng kỳ năm trước tăng 2,99%, trong đó: Điện sản xuất ra đạt 243,46 triệu Kwh, đạt 32,32% KH, so với cùng kỳ năm trước tăng 5,68 %, doanh thu đạt 275,11 tỷ đồng; tiểu thủ công nghiệp đạt 18,85 tỷ đồng.

**Giao thông, quản lý đô thị:** Tiếp tục chỉ đạo các ngành, các xã, thị trấn quản lý tốt hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn huyện, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông, duy

<sup>15</sup> Chỉ đạo các xã tiếp tục triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình, các gia trại có hiệu quả cụ thể: Gia trại gà tại xã Tát Ngà; gia trại lợn tại xã Khâu Vai; gia trại lợn, bò tại xã Nậm Ban, Pả Vi, thị trấn Mèo Vạc... Dự án bảo tồn và phát triển lợn đen Lũng Pù (nguồn vốn sự nghiệp NTM, tại quyết định 2304/QĐ-UBND, ngày 06/11/2017) tiến độ đến nay đang xây dựng cơ sở hạ tầng.

<sup>16</sup> Huy động được 5.757 lượt người tham gia, tại các buổi lễ các xã đã tổ chức quét dọn vệ sinh nâng cấp, mở mới và đổ bê tông các tuyến đường..

<sup>17</sup> Tát Ngà 780 m, Sùng Trà 15 m, Lũng Chinh 100 m, Sơn Vi 50 m, Thượng Phùng 1.200 m, Nậm Ban 100 m, Niêm Sơn 30 m.

<sup>18</sup> Cụ thể: Tổng số hộ bị thiệt hại 93 hộ, trong đó: số hộ bị tốc mái 74 hộ làm thiệt 1.426 tấmproximăng, 18 tấm úp nóc và 52 tấm tôn; số hộ bị ảnh hưởng do sạt lở đất, đá và lũ là 19 hộ. Tổng diện tích ngô, lúa bị thiệt hại là 7,32 ha, gồm: 0,75 ha lúa và 6,57 ha ngô của các xã Niêm Sơn, Cán Chu Phìn, Khâu Vai, Sùng Trà, Pả Vi, Niêm Tông. Tổng số hộ có gia súc bị chết do rét là 15 hộ = 16 con trâu, bò, gồm 04 con trâu và 12 con bò tại xã Thượng Phùng. Tổng số gia cầm bị thiệt hại là 100 con gà của 01 hộ dân tại xã Nậm Ban. Diện tích mặt ao bị thiệt hại 1.280m<sup>2</sup>. Nước lũ làm sạt lở phần kè sau đập đầu nguồn tại thôn Bản Tổng xã Niêm Sơn, chiều dài kè bị sạt lở 7m. Tổng số công trình bị thiệt hại 07 công trình, gồm: 03 tuyến đường ô tô; 03 tuyến đường giao thông nông thôn và 01 cầu dân sinh. Công trình khác: 08 công trình, gồm: công trình điện, trường lớp học, y tế, làm thiệt hại 475 tấm Proximăng, 72 tấm tôn.



tri đảm bảo giao thông thông suốt, khắc phục kịp thời những sự cố giao thông do thiên tai gây ra. Chỉ đạo Ban quản lý Bến xe khách tăng cường quản lý, xác nhận nhật trình lịch chạy xe của các phương tiện vận tải vận chuyển hành khách đảm bảo đúng lịch trình. Chỉ đạo các ngành, phối hợp với Đội quản lý trật tự đô thị tích cực kiểm tra, tuyên truyền, nhắc nhở các hộ gia đình chấp hành Quy chế quản lý đô thị, đặc biệt là cấp phép xây dựng nhà ở trên địa bàn huyện.

*Lĩnh vực xây dựng, quy hoạch:* Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp và các công trình khởi công mới trên địa bàn huyện<sup>19</sup>. Trong 6 tháng đã khởi công xây dựng mới 04 các công trình<sup>20</sup>, đồng thời chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn giao năm 2018, tổng các nguồn vốn giao 130,552 tỷ đồng, vốn đã giải ngân 79,441 tỷ đồng, đạt 60,85% kế hoạch<sup>21</sup>.

<sup>19</sup> - Công trình Kè bảo vệ đường biên mốc giới và khắc phục đường tuần tra biên giới mốc 485-486 xã Sơn Vi: Đã thi công hoàn thành các gói thầu Gói 5. Thi công tuyến kè số 1, Gói 6. Thi công tuyến kè số 2+4+5, Gói 8. Thi công tuyến kè số 6+7+8+9, Gói 9 Thi công tuyến kè và số 10 + Hót đất sạt lở. Gói 7 đang thi công tuyến kè số 3 khối lượng hoàn thành ước đạt 80%.

- Công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện đề án “Làng Văn hóa Du lịch cộng đồng dân tộc Mông” thôn Pà Vi Hạ, xã Pà Vi, huyện Mèo Vạc đã thi công hoàn thành các hạng mục: bãi đỗ xe, nhà trưng bày; nhà văn hóa; chuồng trại; nhà vệ sinh. Hiện đang thi công hạng mục đường giao thông (đường nội thôn), khối lượng ước đạt 60%.

- Công trình: Đường Giàng Chu Phìn – Tia Cua Si – hạt 7: Đã thi công được 60% khối lượng. Hiện đang tạm dừng thi công, do đang đền bù GPMB.

- Công trình cấp điện thôn Nà Khuông xã Niêm Tông đã dựng xong cột đường dây 35, lắp xà sứ. Đang thi công phần móng cột 04 và trạm biến áp...

- Công trình: Nâng cấp, đổ bê tông đường Pó Pi A đi Nà Cuông 1, xã Niêm Tông, huyện Mèo Vạc. Đã thi công xong phần mở nền và đổ bê tông nền đường được 1,2 km.

<sup>20</sup> Kè chống sạt lở Trường Dân tộc bán trú tiểu học xã Niêm Tông, tiến độ đạt 50% KH; nhà 3 tầng trường Tiểu học xã Pà Vi, tiến độ đạt 35% KH; Nâng cấp cụm thủy lợi xã Tát Ngà, xã Nậm Ban, tiến độ đạt 40% KH; Cấp điện cho thôn Nà Pinh, xã Niêm Tông hiện đang vận chuyển vật liệu

<sup>21</sup> - Nguồn đầu tư trong cân đối kế hoạch giao 26.217 triệu đồng, vốn đã thanh toán 24.862,7 triệu đồng đạt 94,8% KH, trong đó: nguồn cân đối ngân sách tỉnh kế hoạch giao: 20.717 triệu đồng, đã giải ngân 19.808,7 triệu đồng đạt 95,6% KH; Nguồn vốn đầu tư trong cân đối NS huyện: Kế hoạch giao 5.500 triệu đồng, vốn đã giải ngân: 5.054 triệu đồng, đạt 91,9% KH.

- Vốn ĐTVT nguồn NSTW Kế hoạch giao 8.620 tr.đồng, vốn đã giải ngân: 5.000 tr.đồng, đạt 58,8% KH

- Nguồn khắc phục hậu quả thiên tai NS tỉnh Kế hoạch 11.000 triệu đồng, vốn đã giải ngân: 980 triệu đồng, đạt 8,9% KH

- Nguồn thu sử dụng đất: Kế hoạch 558 triệu đồng, đã giải ngân 358 triệu đồng, đạt 64,2% KH.

- Nguồn thu xổ kiến thiết đã giải ngân 300/300 triệu đồng.

- Nguồn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững CT 30a: Kế hoạch giao 22.339 triệu đồng, vốn đã thanh toán 19.158,7 triệu đồng, đạt 85,5% KH, trong đó: vốn đầu tư 20.156 triệu đồng, đã giải ngân: 17.839 triệu đồng đạt 88,5% KH; vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng công trình kế hoạch 2.183 triệu đồng, đã giải ngân: 1.319,5 triệu đồng, đạt 60,5% KH.

- Nguồn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững CT 135: Kế hoạch giao 20.025 triệu đồng, vốn đã giải ngân: 9.295,3 triệu đồng đạt 46,4% KH. Trong đó vốn đầu tư 19.050 triệu đồng, đã giải ngân 8.829,9 triệu đồng đạt 46,4% KH; vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng công trình kế hoạch 975 triệu đồng, đã giải ngân: 465,36 triệu đồng, đạt 47,7% KH.

- Nguồn Sự nghiệp giao thông kế hoạch giao 6.953,05 triệu đồng, vốn đã giải ngân 4.650,43 triệu đồng, đạt 66,9%KH; trong đó SN giao thông cấp huyện 5.169,9 triệu đồng, vốn đã giải ngân 3.340,2 triệu đồng, đạt 64,6% KH, SN giao thông cấp xã 1.783,15 triệu đồng, đã giải ngân 1.310,23 triệu đồng, đạt 73,5% KH.

- Nguồn Kiến thiết thị chính kế hoạch giao 1.413,7 tr.đồng; đã giải ngân 1.300 tr.đồng, đạt 92%KH.

- Nguồn hỗ trợ trường chuẩn kế hoạch giao 3.635,3 tr.đồng, đã giải ngân 1.587,2 tr.đồng, đạt 43,7%KH

- Nguồn sự nghiệp giáo dục kế hoạch giao 3.049,9 tr.đồng, đã giải ngân 1.177,3 tr.đồng, đạt 38,6% KH

- Nguồn kinh phí đề án 84 di chuyển học sinh tiểu học từ điểm trường về trường chính: Kế hoạch giao 2.000,0 triệu đồng, đã giải ngân: 1400 triệu đồng đạt 70% KH.

- Nguồn sự nghiệp y tế: Kế hoạch giao 1.206 tr.đồng, đã giải ngân 681 tr.đồng, đạt 56,5% KH.



Tiếp tục triển khai rà soát quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Khâu Vai gắn với du lịch Chợ tình Khâu Vai, huyện Mèo Vạc giai đoạn 2018-2020 và kế hoạch điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

### **1.3. Thương mại, dịch vụ và du lịch**

#### **a. Hoạt động thương mại, dịch vụ**

Hệ thống chợ tiếp tục được duy trì, các mặt hàng thiết yếu được cung ứng đầy đủ, kịp thời, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, quản lý thị trường, quản lý giá cả, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc. Trong 6 tháng lực lượng Quản lý thị trường đã kiểm tra, xử lý 28 vụ vi phạm về kinh doanh hàng hóa quá hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc; xử phạt vi phạm hành chính, thu nộp ngân sách nhà nước 63,45 triệu đồng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa trong 6 tháng đạt 278,9 tỷ đồng, đạt 54,83% KH, so với cùng kỳ năm trước tăng 81,22%. Dịch vụ vận tải tiếp tục phát triển, số lượng hàng hóa vận chuyển đạt 54.714 tấn, doanh thu 6,713 tỷ đồng; số lượng khách vận chuyển đạt: 99.988 lượt, doanh thu 3,314 tỷ đồng. Dịch vụ lưu trú, ăn uống phát triển mạnh, doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống đạt 70,45 tỷ đồng, đạt 63,37% KH, so với cùng kỳ năm trước tăng 91,09%.

Dịch vụ bưu chính viễn thông tiếp tục phát triển thêm về các dịch vụ, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng; các mạng luôn hoạt động tốt, không hề xảy ra ngừng mạng. Bưu điện huyện và điểm bưu điện các xã đã vận chuyển công văn, báo chí kịp thời, chính xác...

#### **b. Hoạt động du lịch**

Các điểm du lịch, loại hình du lịch được quan tâm đầu tư, phát triển. Tổ chức thành công ngày hội văn hóa dân tộc Mông và Lễ hội hoa Đào năm 2018, Lễ hội chợ tình Khâu Vai và chợ Phong Lưu xã Sơn Vĩ năm 2018. Tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng "Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông" thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi<sup>22</sup>. Chỉ đạo tuyên truyền triển khai dự án Khu phức hợp làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống OASIS Mã Pì Lèng A, xã Pải Lũng. Ban hành Đề án xây dựng Làng văn hóa du lịch cộng đồng, gắn với xây dựng nông thôn mới thôn Khâu Vai, xã Khâu Vai, huyện Mèo Vạc. Hoàn thành xây dựng tuyến đường đi bộ qua vách đá thần (nối từ thôn Mã Pì Lèng, xã Pải Lũng đến thôn Mã Pì Lèng, xã Pả Vi). Chỉ đạo các ngành và UBND các xã, thị trấn phối hợp Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ tái đánh giá

---

- Nguồn tái đánh giá CVĐCTC Cao nguyên đá Đồng Văn Kế hoạch vốn bố trí: 91 triệu đồng..

- Nguồn dự phòng ngân sách huyện: Kế hoạch vốn bố trí: 150 triệu đồng. Giá trị vốn giải ngân: 150 đồng

- Tiết kiệm 5% NS huyện kế hoạch giao 1.085,1 tr.đồng, vốn đã giải ngân 1.000 tr.đồng, đạt 85,1% KH

- Nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 22.000 triệu đồng (giao cho UBND các xã tại Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 03/4/2018), vốn đã giải ngân 7.469,57 triệu đồng đạt 33,95% KH

<sup>22</sup> Công trình nhà ở kiến trúc dân tộc Mông do người dân xây dựng 28 nhà, tiến độ hoàn thành 01 nhà, đang xây dựng 12 nhà chuẩn bị khởi công.



Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn, giai đoạn 2014-2017<sup>23</sup>. Tiếp tục khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ, du lịch trên địa bàn, đặc biệt là du lịch cộng đồng. Tổng lượng khách du lịch đến huyện trong 6 tháng đạt 26.451 lượt người (trong đó khách nước ngoài 1.717 lượt người).

#### **1.4. Tài chính-Tín dụng**

**Tài chính:** Tổng thu ngân sách trên địa bàn trong 6 tháng đầu năm đạt 406,6 tỷ đồng, đạt 68,5% KH; trong đó, thuế và phí trong 6 tháng đạt 74,4 tỷ đồng, đạt 47,28% KH huyện giao, tăng 162,06% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách nhà nước trong 6 tháng 399,56 tỷ đồng, đạt 55,8% KH; trong đó chi ngân sách huyện 325,54 tỷ đồng, chi ngân sách xã 74,01 tỷ đồng. Công tác tiết kiệm chống lãng phí được quán triệt, triển khai thực hiện thường xuyên theo Chương trình số 05/CTr-UBND, ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2017-2020.

**Tín dụng:** Hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tiếp tục phát triển, thông qua các nguồn vốn vay người dân đã tích cực phát triển kinh doanh, sản xuất, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của huyện phát triển<sup>24</sup>.

#### **1.5. Tài nguyên môi trường, khoa học và công nghệ**

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện, tăng cường công tác thanh kiểm tra, xử lý các vi phạm trong việc sử dụng đất, tập trung lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị quyết 30/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội khoá XIII về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu trong phạm vi cả nước, kiểm tra công tác quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2010 - 2020, công tác kiểm kê đất đai, chỉnh lý biến động, đăng ký giao dịch bảo đảm, xây dựng kế hoạch sử dụng đất và cải cách thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên liên tục. Thực hiện tốt công tác thu hồi đất và giao đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện để thực hiện các dự án trên địa bàn huyện<sup>25</sup>. Tổ chức đấu giá cấp quyền sử dụng đất ở đô thị, tuyến đường từ Chợ trung tâm đi trường tiểu học, kết quả thu nộp ngân sách 7,432 tỷ đồng.

<sup>23</sup> - Hoàn thành và đưa vào hoạt động Làng văn hoá du lịch cộng đồng, gắn với xây dựng nông thôn mới thôn Tát Ngà, bước đầu đã tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; Hoàn thành đưa vào sử dụng tuyến đi bộ lên vách đá trắng khu vực đèo Mã Pì Lèng.

- Chỉ đạo các ngành, UBND các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra các điểm di sản bị xâm hại, tuyên truyền, nghiêm cấm việc đập các ngọn đá, nhũ đá thuộc điểm Di sản địa chất và các nhũ đá tại các hang động, bảo vệ các biển bảng thông tin, bảo vệ môi trường và khôi phục cảnh quan môi trường tại các điểm mỏ đã được cấp phép và đang khai thác trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo các ngành phối hợp với BQL Công viên địa chất toàn cầu CNĐ Đồng Văn tỉnh rà soát và tu sửa hệ thống cụm Pa nô, biển bảng đã bị hư hỏng trên địa bàn huyện.

<sup>24</sup> Hoạt động của Ngân hàng CSXH: Doanh số cho vay đạt 38836 tỷ đồng; doanh số thu nợ đạt 26,800 tỷ đồng; tổng dư nợ 221,800 tỷ đồng trong đó: Nợ xấu 1,527 tỷ đồng. Hoạt động của Ngân hàng No&PTNT: Nguồn vốn huy động tại địa phương đạt: 213 tỷ; dư nợ đạt 330 tỷ đồng.

<sup>25</sup> Tiến hành đo đạc, ra thông báo thu hồi đất các công trình: Khu phức hợp Làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống OASIS Mã Pì Lèng - xã Pài Lùng, Tuyến đường Giàng Chu Phìn - Tia Cua Si - Hạt 7 xã Xín Cái huyện Mèo Vạc, Trạm Y tế xã Pài Lùng; Công trình thủy điện sông nậm 3 đang triển khai cắm mốc, đo đạc, kiểm đếm; Tuyến đường từ ngã 3 nhà ông Chử De nối vào đường tỉnh lộ 176 đi đường Thanh Niên, thị trấn Mèo Vạc, Ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường. Kết quả đã chi trả cho nhân dân với số tiền 950,325 triệu đồng.



Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường, triển khai ký cam kết bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện, trong 6 tháng đã thu gom trên 1.260 tấn rác thải các loại tại trung tâm huyện và tuyến đường đi Pả Vi.

Triển khai thực hiện kế hoạch nhiệm vụ đột phá về ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất năm 2018 với 04 nhiệm vụ trọng tâm: ứng dụng công nghệ thông tin; ứng dụng khoa học kỹ thuật đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sinh sản để cải tạo và phát triển đàn bò huyện Mèo Vạc; thực hiện bảo tồn và phát triển Lợn đen Lũng Pù. Đã lựa chọn, triển khai Đề án mở rộng và sản xuất rau sạch bằng phương pháp thủy canh trong nhà màng tại xã Pả Vi trong năm 2018. Tổ chức thẩm định, công nhận 287 sáng kiến ngành giáo dục năm học 2017 - 2018.

### **1.6. Phát triển kinh tế tập thể**

Tổ chức thành công Đại hội Hội Doanh nghiệp huyện Mèo Vạc lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2018 - 2023. Trong 6 tháng đầu năm số hợp tác xã mới thành lập là 2 HTX, với tổng số vốn đăng ký là 3 tỷ đồng, đến nay toàn huyện có 32 HTX hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, dịch vụ nông lâm nghiệp và vận tải thương mại, với số vốn đăng ký là 65 tỷ đồng. Các thành phần kinh tế hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, dịch vụ nông lâm nghiệp và vận tải thương mại... Nhìn chung, các hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ kinh doanh cá thể, hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực như: Xây dựng các công trình dân dụng, kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, dịch vụ giống, vật tư nông nghiệp, thương mại tổng hợp, du lịch, dịch vụ, vật liệu xây dựng... Qua đó, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành tiêu chí về kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế. Các HTX phát triển ổn định, tuy nhiên chưa có sự đột phá, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản và dịch vụ vận tải với quy mô nhỏ, khả năng cạnh tranh còn hạn chế; hiệu quả chưa cao, mức đóng góp cho ngân sách hàng năm còn thấp. Tính đến thời điểm 30/5/2018, số thu nộp NSNN của các HTX đạt 988,2 triệu đồng.

## **2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

### **2.1. Công tác giáo dục và đào tạo**

Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động học sinh đi học, đảm bảo duy trì sĩ số hằng ngày, đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng dạy và học; thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, cán bộ, giáo viên đảm bảo đúng quy định. Tỷ lệ huy động 3-5 tuổi đi mẫu giáo đạt 95,6%, trong đó: trẻ 5 tuổi đến trường đạt 99,4%; tỷ lệ huy động trẻ 6->14 tuổi đến trường đạt 98,10%. Chất lượng chuyển lớp, chuyển cấp tại các bậc học đã được nâng lên<sup>26</sup>. Tổ chức thành công các kỳ thi, hội thi đối với giáo viên và học

<sup>26</sup> - Cấp Tiểu học: hoàn thành chương trình lớp học 10.236/10.687 đạt 95,77%; hoàn thành chương trình 1772/1.793 đạt 98,8%; khen thưởng 1673/10.687 đạt 15,65%.

- Cấp THCS: xếp hạng kiểm: Tốt 58%, khá 32,80%, trung bình 7%, yếu 1,3%; xếp loại học lực: giỏi 2,3%, khá 32,7%, trung bình 58,6%, yếu 3,6% kém 2,8%; chất lượng chuyển lớp 4.789/5.117 đạt 93,58%, chất lượng chuyển cấp 937/966 đạt 96,99%; học sinh khá giỏi 1.794/5.117 đạt 35,05%.



sinh trên địa bàn<sup>27</sup>.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 114/KH-UBND, ngày 29/6/2016 về việc mở lớp học “Ươm mầm tương lai” và Kế hoạch số 192/KH-UBND, ngày 21/9/2016 về việc thực hiện mô hình “Người biết chữ dạy cho người chưa không chữ”<sup>28</sup>, Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về ban hành Đề án chuyển học sinh tiểu học từ các điểm trường về học tại trường chính trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020<sup>29</sup>, kế hoạch xây dựng trường chuẩn Quốc gia năm 2018<sup>30</sup>; tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2018.

## **2.2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân**

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn huyện được quan tâm thực hiện tốt. Công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh trên người, phòng tránh ngộ độc thực phẩm cho nhân dân trên địa bàn được triển khai thường xuyên. Đã khám chữa bệnh cho 25.982 lượt người; thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, trong 6 tháng không xảy dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình MTQG về y tế, triển khai đầu tư xây dựng các xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2018<sup>31</sup>. Tiếp tục thực hiện điều trị cai nghiện bằng chất methadone<sup>32</sup> tại trung tâm y tế huyện. Chỉ đạo ngành y tế triển khai thực hiện mô hình phòng khám bác sỹ gia đình tại Trạm y tế các xã và Phòng khám đa khoa khu vực.

Tập trung đẩy mạnh công tác truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình, trong 6 tháng đầu năm đã có 1.214 cặp vợ chồng mới áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại, công tác chăm sóc bà mẹ trẻ em đã được quan tâm chú trọng, tuy nhiên tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn cao 20,42%<sup>33</sup>, so với cùng kỳ năm 2017 tăng 2,56%.

## **2.3. Văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông**

Chỉ đạo các ngành, các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng ngày thành lập Đảng, mừng Xuân năm 2018 và tổ chức thành công các lễ hội diễn ra trên địa bàn huyện<sup>34</sup>. Chỉ đạo các ban ngành phối hợp tổ

<sup>27</sup> Kết quả: - Giáo viên giỏi cấp huyện 164 người (*mầm non 90, tiểu học 74*); cấp tỉnh đạt 14 giáo viên mầm non - HS giỏi: cấp huyện khối 6,7,8 đạt giải 157 em; lớp 9 đạt giải 62 em; cấp tỉnh lớp 9 đạt giải 08 em

<sup>28</sup> Kết quả triển khai 305 học viên đăng ký tham gia học (*Hiện tại còn các xã Lũng Chinh, xã Sủng Máng, xã Nậm Ban chưa triển khai tổ chức*)

<sup>29</sup> Điểm trường chuyển toàn bộ hs 04 điểm =133 hs; điểm trường chuyển một phần hs 111 điểm =118 lớp =1.293 hs

<sup>30</sup> Các tiêu đánh giá cơ bản hoàn thành; cơ sở vật chất: trường tiểu học Pả Vi đạt 35% tiến độ; trường mầm non Hoa Đào đã khởi công cải tạo sửa chữa.

<sup>31</sup> Công nhận lại 3 trạm y tế đạt Bộ tiêu chí, tiến độ đạt 80%; Kế hoạch thực hiện 2018 02 trạm y tế, đang chỉ đạo chuẩn bị chấm điểm bộ tiêu chí, cơ sở vật chất đã giải phóng mặt bằng kiểm điểm trạm y tế xã Pải Lũng.

<sup>32</sup> Hiện đang điều trị cai nghiện tại Trung tâm Y tế có 16 người, lũy kế là 19 người.

<sup>33</sup> Thị trấn Mèo Vạc 18%; Tả Lũng 10,34%; Sủng Trà 13,79%; Sủng Máng 20%; Lũng Chinh 14,29%; Pả Vi 24,32%; Pải Lũng 10,42%; Xin Cái 20%; Thượng Phùng 51,22%; Sơn Vi 19,67%; Giàng Chu Phìn 23,40%; Cán Chu Phìn 31,82%; Lũng Pù 21,79%; Khâu Vai 8,89%; Tát Ngà 34,38%; Niêm Sơn 11,76 %; Niêm Tông 17,65%.

<sup>34</sup> Ngày hội văn hóa dân tộc Mông và Lễ hội hoa Đào năm 2018, các hoạt động vui Xuân tại thôn Mỏ Phàng, xã Thượng Phùng năm 2018 và Lễ hội chợ tình Khâu Vai năm 2018; chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2018, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao kỷ niệm 43 năm ngày giải phóng hoàn toàn Miền



chức tốt các hoạt động diễn ra tại giải Marathon Quốc tế “Chạy trên cung đường Hạnh phúc” tỉnh Hà Giang năm 2018.

Các hoạt động của các đồng chí lãnh đạo huyện, các sự kiện chính trị, văn hóa nổi bật của huyện được truyền tải, phản ánh đầy đủ, kịp thời trên Trang Thông tin điện tử huyện<sup>35</sup>.

Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Du lịch đã kịp thời phản ánh, truyền tải các thông tin kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của huyện tới người dân. Thực hiện tốt việc thu, phát sóng Đài Trung ương, tiếp sóng chương trình Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, kịp thời phản ánh, truyền tải các thông tin kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước, của tỉnh tới người dân trên địa bàn huyện.

#### **2.4. Công tác lao động, giảm nghèo, an sinh xã hội và công tác dân tộc**

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được quan tâm chỉ đạo thực hiện, trong 6 tháng đã giải quyết việc làm mới cho 995 lao động, đạt 74,14% kế hoạch, trong đó lao động đi làm việc tại huyện Phú Ninh, Trung Quốc theo “*Biên bản thống nhất về quản lý lao động qua biên giới*” và đi làm việc tại các công ty, doanh nghiệp ngoài tỉnh 190 lao động, đạt 111,76% kế hoạch; đào tạo nghề ngắn hạn cho 431 lao động, đạt 35,92% kế hoạch<sup>36</sup>. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giáo dục nghề nghiệp, việc làm và An toàn vệ sinh lao động giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch tổ chức tháng hành động về An toàn - Vệ sinh lao động năm 2018; chỉ đạo tăng cường công tác quản lý và báo cáo tình hình sử dụng lao động và rà soát các thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trên địa bàn huyện.

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018, chỉ đạo các ngành, các xã, thị trấn tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách giảm nghèo, phân công cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân phụ trách trợ giúp hỗ trợ 964 hộ nghèo thoát nghèo trong năm 2018.

Chỉ đạo thực hiện tốt các chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công, các chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số<sup>37</sup>. Trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất đã tổ chức tặng 1.659 xuất quà qua cho các đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo<sup>38</sup>, bên cạnh đó các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện đã hỗ trợ, tặng quà cho 5.565 hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số với tổng trị giá 1.942,1 triệu đồng.

---

Nam thống nhất đất nước, ngày Quốc tế lao động 1/5, kỷ niệm 128 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2018) và Lễ hội chợ tỉnh Khâu Vai năm 2018.

<sup>35</sup> Trong 6 tháng, Trang thông tin điện tử huyện đã đăng tải được 363 tin bài.

<sup>36</sup> Trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn 350 lao động; đào tạo theo chương trình xã hội hóa 81 lao động. Thực hiện đào tạo nghề theo đề án 884, trong 6 tháng đã tổ chức thi tốt nghiệp cho 01 lớp = 17 học viên, tiếp tục duy trì 02 lớp = 33 học viên.

<sup>37</sup> 26 đối tượng = 249,765 triệu đồng. Thực hiện mua BHYT cho 17 đối tượng được hưởng chế độ người có công = 5,265 triệu đồng. Chi trả trợ cấp thường xuyên hàng tháng cho 1.237 đối tượng = 3.565,28 tr.đồng. Mua thẻ BHYT cho 913 đối tượng = 303,673 triệu đồng. Hỗ trợ mai táng phí cho 57 đối tượng = 382,9 triệu đồng. Chi trả hỗ trợ cho 1.275 đối tượng thuộc dự án “Tăng cường trợ giúp xã hội Việt Nam” = 679,7 tr.đồng.

<sup>38</sup> 50 xuất quà = 10 triệu đồng cho 50 hộ nghèo và bệnh nhân nghèo đang điều trị tại bệnh viện; 188 xuất quà = 54,05 tr.đồng cho gia đình chính sách, người có công; 1.279 xuất quà = 255,8 tr. đồng cho các đối tượng bảo trợ; 142 xuất quà = 33,1 tr.đồng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, NCT, bệnh nhân nghèo đang nằm viện.



Chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai thực hiện các chương trình dự án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Rà soát tổng hợp xây dựng đề án hỗ trợ các chính sách đặc thù trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh cho vùng dân tộc thiểu số như: Chương trình 135<sup>39</sup>, Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg<sup>40</sup>, Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số: 12/2018/QĐ-TTg<sup>41</sup>; Chính sách cho vay hộ nghèo.

### **3. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền; thanh tra giải quyết khiếu nại; tuyên truyền phổ biến pháp luật**

#### **3.1. Công tác cải cách hành chính**

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai thực hiện có hiệu quả. Văn phòng một cửa điện tử của huyện, bộ phận một cửa tại Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn được triển khai hiệu quả, đáp ứng nhu cầu giải quyết các thủ tục hành chính của các tổ chức, nhân dân trên địa bàn huyện<sup>42</sup>. Hệ thống giao ban trực tuyến tại địa bàn 18/18 xã, thị trấn tiếp tục được phát huy được hiệu quả, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tại địa bàn huyện.

#### **3.2. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Trong 6 tháng thanh tra đã triển khai thực hiện 02 cuộc; đã ban hành kết luận 01 cuộc, kết quả số tiền phát hiện sai phạm qua thanh tra 89,363 triệu đồng. Ban tiếp công dân huyện đã tiếp nhận nhận 37 đơn thư của công dân (*cấp huyện 13 đơn, so với cùng kỳ tăng 01 đơn; cấp xã, thị trấn 24 đơn, so với cùng kỳ tăng 13 đơn*); trong đó: Khiếu nại: 02 đơn; đơn đề nghị, phản ánh 35 đơn, không phát sinh đơn tố cáo.

#### **3.3. Công tác tư pháp, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật**

Ban hành 02 kế hoạch, 01 báo cáo, 01 công văn về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật<sup>43</sup>. Triển khai Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện theo quy định. Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn về quy trình, hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với các trường hợp tảo hôn, tổ chức tảo hôn theo quy định<sup>44</sup>; Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn UBND các xã, thị trấn xử lý vi phạm hành chính trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự<sup>45</sup>.

<sup>39</sup> Vốn đầu tư phát triển giải ngân: 8,829,6 tỷ đồng, đạt 46,3 kế hoạch; vốn sự nghiệp giải ngân: 52,8 triệu đồng, đạt 0,98% kế hoạch

<sup>40</sup> Phân bổ 3,929 tỷ đồng cho các xã. Hiện nay các xã đang tiến hành các thủ tục để giải ngân

<sup>41</sup> Chi thăm hỏi kinh phí 79,6 triệu đồng. Đã cấp phát cho 199 người có uy tín 68.733 đầu báo.

<sup>42</sup> Trong 6 tháng bộ phận một cửa của huyện đã tiếp nhận và giải quyết 858 hồ sơ thủ tục hành chính; cấp xã là 1.941 hồ sơ; không có hồ sơ quá hạn.

<sup>43</sup> Kế hoạch số 30/KH-UBND, ngày 30/01/2018 về kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2018 trên địa bàn huyện Mèo Vạc; Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 09/03/2018 về thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn huyện Mèo Vạc; Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 23/02/2018 tham gia ý kiến vào dự thảo Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong kỳ 2014-2018 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 553/UBND-TP ngày 31/05/2018 về việc gửi tài liệu hướng dẫn thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong kỳ 2014 - 2018.

<sup>44</sup> Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình.

<sup>45</sup> Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; Thông tư số 95/2014/TT-BQP ngày 07/7/2014 về hướng dẫn thi hành



Chỉ đạo ngành chức năng phối hợp tổ chức 26 hội nghị tuyên truyền pháp luật, truyền thông tư vấn, trợ giúp pháp lý tại 23 thôn, 03 đơn vị trường học trên địa bàn 11 xã, thị trấn<sup>46</sup> và tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật kết hợp với hái hoa dân chủ, tìm hiểu pháp luật tại 03 trường học<sup>47</sup>. Cấp 18 đĩa CD truyền thông các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực đăng ký hộ tịch, phòng chống tảo hôn, 18 đĩa CD truyền thông về phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống tảo hôn bằng 2 thứ tiếng (*Tiếng việt, tiếng Mông*) cấp cho 18 xã, thị trấn phục vụ công tác tuyên truyền.

### **3.4. Công tác nội vụ, xây dựng chính quyền**

Chỉ đạo xây dựng các Đề án: sáp nhập các Hội Chữ Thập đỏ, Hội Đông y, Hội Khuyến học, Ban đại diện Hội người cao tuổi thành Liên hiệp các Hội đặc thù huyện Mèo Vạc; sáp nhập Trường Phổ thông DTBT Tiểu học Pải Lũng với Trường Phổ thông DTBT THCS Pải Lũng thành Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Pải Lũng; sáp nhập, thành lập thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Mèo Vạc; Quyết định điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chuyển giao chức năng nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính từ Phòng Tư pháp sang Văn phòng HĐND và UBND huyện. Ban hành, Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức Kế toán - Tài chính và công chức Địa chính, giao thông, xây dựng, tài nguyên, môi trường và xây dựng nông thôn mới các xã, thị trấn năm 2018; Kế hoạch triển khai thực hiện tình giản biên chế năm 2019 đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện. Ban hành Quyết định kiện toàn Ban quản lý dự án bảo vệ và Phát triển rừng huyện; Quyết định kiện toàn Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện; Quyết định thành lập Ban vận động và quyết định cho phép thành lập Hội Doanh nghiệp huyện Mèo Vạc.

Ban hành, Kế hoạch thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức năm 2017; tổng hợp báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức trên địa bàn huyện Mèo Vạc; bàn giao Trạm thông tin thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Du lịch huyện về Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn.

Phối hợp với huyện Yên Minh tổ chức bàn giao 22 hộ dân của thôn Nà Pầu, xã Nậm Ban, huyện Mèo Vạc về xã Mậu Long, huyện Yên Minh quản lý dân cư theo bản đồ địa giới hành chính.

## **4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

### **4.1. Quốc phòng**

Thường xuyên chỉ đạo lực lượng dân quân 3 xã biên giới phối hợp chặt chẽ với 2 đồn biên phòng Lũng Làn và Săm Pun tổ chức tuần tra, kiểm soát đường biên, mốc giới. Phối hợp với các lực lượng, các ban ngành nắm chắc diễn

Nghị định số 120/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

<sup>46</sup> Pả Vi, Giảng Chu Phìn, Cán Chu Phìn, Lũng Pù, Khâu Vai, Sơn Vĩ, Tả Lũng, Sùng Trà, Sùng Máng, Lũng Chinh, Thị trấn Mèo Vạc.

<sup>47</sup> Trường PTDTBT THCS xã Sùng trà, Trường PTDTBT THCS xã Tát Ngà, Trường PTDTBT THCS xã Cán Chu phìn, với 2.270 lượt người tham dự, cấp pháp 3.507 tờ rơi, tờ gấp pháp luật



biến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tổ chức thành công lễ giao nhận quân năm 2018 với 68 công dân lên đường làm nghĩa vụ quân sự năm 2018, đảm bảo đủ quân số, an toàn và đúng thời gian quy định; tổ chức Lễ ra quân huấn luyện cho LLVT huyện. Chỉ đạo tổ chức thành công diễn tập tại xã Tả Lũng, kết quả đạt loại giỏi. Chỉ đạo Ban chỉ huy Quân sự huyện phối hợp với xã Niêm Tông tổ chức hoạt động cho tiểu đội dân quân thường trực tại xã Niêm Tông<sup>48</sup>.

#### **4.2. An ninh**

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn cơ bản ổn định, không xảy ra các điểm nóng về an ninh trật tự, không xảy ra các vụ việc đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn. Các lực lượng chức năng đã làm tốt công tác nắm tình hình, chủ động tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo bảo vệ an toàn tuyệt đối các ngày Lễ, Tết và các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn huyện.

#### **4.3. Công tác đối ngoại**

Tiếp tục thông tin trao đổi, giữ mối quan hệ tốt với 2 huyện Phú Ninh và Nà Pô - Trung Quốc; phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh trên tuyến biên giới. Trong 6 tháng đầu năm, huyện Mèo Vạc đã tổ chức 04 đoàn đại biểu (*trong đó có 01 đoàn đại biểu cấp huyện, 03 đoàn đại biểu các ngành*) sang thăm và làm việc tại huyện Phú Ninh và huyện Nà Pô, Trung Quốc; đồng thời tổ chức đón tiếp và làm việc với 05 đoàn đại biểu huyện Phú Ninh, huyện Nà Pô, Trung Quốc (*01 đoàn đại biểu cấp huyện, 04 đoàn đại biểu các ngành*) sang thăm và làm việc tại huyện. Thông qua các cuộc gặp gỡ, hội đàm đã làm tăng cường mối quan hệ hữu nghị, thúc đẩy sự giao lưu phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa văn nghệ giữa hai bên, góp phần đảm bảo tình hình an ninh trật tự khu vực biên giới ổn định. Tham gia đoàn khảo sát Ủy ban biên giới Quốc gia tiến hành đo đạc, khảo sát song phương tại thực địa mốc 485/2-486 (điểm cao 1370).

Bên cạnh triển khai công tác đối ngoại với các huyện đối đẳng Trung Quốc, huyện Mèo Vạc đã phối hợp với Sở Ngoại vụ tỉnh Hà Giang, Văn phòng Plan tỉnh Hà Giang kêu gọi, vận động các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ đầu tư các công trình giáo dục, hỗ trợ công tác an sinh xã hội trên địa bàn huyện với tổng giá trị hỗ trợ trong 6 tháng đầu năm gần 15 tỷ đồng<sup>49</sup>.

### **III. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN**

1. Tình hình thiên tai do rét đậm, rét hại, băng giá, đã ảnh hưởng lớn đến công tác sản xuất nông lâm nghiệp; mưa đá kèm theo gió lốc đã làm hư hỏng nhiều công trình cộng đồng, tài sản và hoa màu của nhân dân, các yếu tố này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế xã hội của huyện.

2. Tiến độ triển khai một số chương trình trọng tâm lĩnh vực nông nghiệp, còn chậm như kế hoạch thụ tinh nhân tạo cho bò cái sinh sản (*đạt 26,5%*); dự án

<sup>48</sup> UBND xã Niêm Tông giao cho tiểu đội dân quân thường trực tổ chức luân phiên tuần tra, canh gác đảm bảo an ninh trật tự tại địa bàn xã; tham gia nắm bắt tình hình cơ sở, vận động học sinh đi học.

<sup>49</sup> Trong đó: Tổ chức Plan tại Hà Giang tài trợ cho 4 xã vùng dự án (*Giàng Chu Phìn, Cán Chu Phìn, Lũng Pù, Lũng Chinh*) thực hiện 7 dự án với số kinh phí tài trợ là 3.829.980.000 đồng; Đại sứ quán Hoa Kỳ hỗ trợ xây dựng trường Mầm non xã Xín Cái, giá trị tài trợ là 10.337.121.642 đồng; Tổ chức LOAN Stiftung (CHLB Đức) hỗ trợ xây dựng điểm trường mầm non Cờ Tăng, giá trị tài trợ là 830.398.414 đồng.



trồng cây ăn quả ôn đới; kế hoạch trồng cây hồng không hạt; kế hoạch xây dựng xã, thôn điển hình về phát triển kinh tế gắn với mỗi làng một sản phẩm...

3. Tiến độ thực hiện và giải ngân các chương trình dự án còn thấp, đặc biệt là tiến độ triển khai chương trình 1 triệu tấn xi măng và nguồn vốn sự nghiệp thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

4. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng dự án Khu phức hợp làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống OASIS Mã Pì Lèng A, xã Pải Lũng còn chậm.

5. Công tác vận động học sinh đến trường ở các cấp học, ngành học còn thấp; việc duy trì sĩ số học sinh, nhất là học sinh THCS chưa đảm bảo; tình trạng học sinh bỏ học, nghỉ học dài ngày vẫn còn xảy ra.

6. Công tác quảng bá, giới thiệu hình ảnh du lịch, đặc biệt là giới thiệu về Làng văn hoá du lịch cộng đồng tại địa bàn huyện chưa hiệu quả, chưa thu hút được nhiều khách du lịch trong và nước ngoài biết đến. Các dịch vụ, sản phẩm phục vụ cho hoạt động du lịch, còn hạn chế, chất lượng chưa cao.

7. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn huyện còn tiềm ẩn nhiều phức tạp, đặc biệt là tội phạm trộm cắp tài sản, tình hình truyền đạo và học đạo trái phép...

8. Việc chấp hành tác phong, lề lối làm việc của một số cơ quan, đơn vị và một số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã chưa tốt; việc chấp hành chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất của một số phòng, ban, một số xã còn chậm, thiếu tính chủ động, đã ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo điều hành chung của Ủy ban nhân dân huyện.

#### **IV. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ**

1. Công tác tham mưu của ngành chuyên môn của chậm, thiếu sự chủ động; công tác phối hợp giữa các ngành của huyện với chính quyền các xã, thị trấn còn chưa thực sự chặt chẽ; bên cạnh đó, chính quyền một số cơ sở thiếu sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo triển khai thực hiện dẫn tới một số chương trình trọng tâm lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn chậm so với kế hoạch.

2. Do chưa bố trí được vốn, nhân dân chưa đồng thuận cao với chính sách của doanh nghiệp nên tiến độ giải phóng mặt bằng dự án Khu phức hợp làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống OASIS Mã Pì Lèng A, xã Pải Lũng còn chậm.

3. Do điều kiện địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, bên cạnh đó nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế nên công tác vận động học sinh đến trường còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng chung đến công tác huy động học sinh đến trường.

4. Chính quyền cơ sở thiếu tính chủ động trong công tác phối hợp với ngành chuyên môn, đặc biệt là ngành văn hóa để được tư vấn, hướng dẫn tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch cộng đồng tại địa bàn.

5. Địa hình phức tạp, công tác nắm bắt và quản lý an ninh trật tự tại địa bàn một số cơ sở còn hạn chế, còn dễ xảy ra một số vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.



6. Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, một số xã chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm, thiếu tính quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; ý thức, trách nhiệm đối với công việc, nhiệm vụ được giao của một số cán bộ, công chức chưa cao.

***Phần thứ hai:***

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM  
6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

Trong những tháng cuối năm dự báo sẽ có nhiều khó khăn do điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp, nguồn thu ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn... ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện. Để khắc phục khó khăn, tranh thủ những kết quả đã đạt được, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2018; các cấp, các ngành, các đơn vị tập trung chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ sau:

**I. LĨNH VỰC KINH TẾ**

**1. Về sản xuất nông nghiệp, nông thôn**

\* *Nhiệm vụ:* Tập trung chỉ đạo công tác sản xuất vụ hè thu, vụ đông và triển khai các chương trình, kế hoạch trọng tâm lĩnh vực nông lâm nghiệp, nông thôn theo kế hoạch. Phấn đấu đến cuối năm 2018, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt từ 616,27 tỷ đồng trở lên; giá trị sản phẩm thu hoạch/1 ha đất trồng cây hàng năm đạt 40,47 triệu đồng; tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 35.682,48 tấn; trồng 64,4 ha cây ăn quả; tổng đàn gia súc đến cuối năm đạt 92.455 con; thụ tinh nhân tạo thành công cho 1.000 con bò cái sinh sản; trồng được 250 ha rừng tập trung; xây dựng 02 xã, 19 thôn điển hình về phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với mỗi làng một sản phẩm; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt từ 75,18% trở lên; công nhận 02 thôn đạt tiêu chí thôn nông thôn mới; hoàn thành công tác giải ngân chương trình 1 triệu tấn xi măng trước ngày 30/9/2018.

\* *Giải pháp thực hiện:* Tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân phát triển sản xuất nông nghiệp, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm có thế mạnh như chăn nuôi bò, nuôi ong, sản xuất gạo đặc sản. Tăng cường tuyên truyền các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của Trung ương, của tỉnh; áp dụng triển khai có hiệu quả các Đề án, Phương án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Chuẩn bị đầy đủ vật tư, phương tiện phục vụ công tác phòng chống lụt bão; tổ chức diễn tập phòng chữa cháy chữa rừng cấp huyện vào thời gian tháng 10 năm 2018. Tập trung chỉ đạo và huy động nội lực nhân dân để thực hiện các tiêu chí NTM gắn với triển khai thực hiện có hiệu quả đề án một triệu tấn xi măng để đầu tư hạ tầng nông thôn và xây dựng nông thôn mới theo cơ chế nhà nước và nhân dân cùng làm..

**2. Về công nghiệp - thủ công nghiệp**



\* *Nhiệm vụ:* Tiếp tục chỉ đạo phát triển các nghề thủ công nghiệp truyền thống. Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp năm 2018 đạt 930 tỷ đồng trở lên; tỷ lệ hộ dân cư được sử dụng điện đạt 76%.

\* *Giải pháp thực hiện:* Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình, dự án trong lĩnh vực thủy điện. Thực hiện tốt công tác khuyến công đối với các ngành nghề rèn đúc, may mặc..., duy trì các thương hiệu, nhãn mác hàng hóa... Quản lý tốt các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, các điểm khai thác đá làm vật liệu xây dựng phục vụ xây dựng các công trình công cộng, dân sinh và chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

### **3. Về tài chính, kế hoạch - tín dụng**

\* *Nhiệm vụ:* Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách, nhất là lĩnh vực cấp quyền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và phí, lệ phí; kiểm tra việc quản lý sử dụng ngân sách ở các đơn vị, điều hành ngân sách theo kế hoạch đã phân bổ; xây dựng kế hoạch, dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019; tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư công theo luật; thẩm định quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản; rà soát và thực hiện giải ngân các chính sách hỗ trợ, chương trình mục tiêu trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác thu ngân sách trên địa bàn huyện, phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch thu thuế, phí năm 2018 là 157,37 tỷ đồng trở lên. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn xây dựng và bảo vệ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 với huyện. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2019 của huyện và thảo luận với các sở, ngành của tỉnh.

Tiếp tục khuyến khích các ngân hàng trên địa bàn triển khai các gói tín dụng ưu đãi cho người được tiếp cận các nguồn vốn vay để phát triển sản xuất.

\* *Giải pháp thực hiện:* Tăng cường công tác thu, chống thất thu ngân sách, nhất là trong lĩnh vực thủy điện, xây dựng cơ bản. Phối hợp với Cục Thuế tỉnh đôn đốc các doanh nghiệp thủy điện nộp thuế vào ngân sách Nhà nước kịp thời theo quy định. Chỉ đạo các ngành, các đơn vị thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của Chính phủ. Thực hiện tốt Luật ngân sách Nhà nước, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, để chống thất thu ngân sách. Kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản chi theo Luật Ngân sách nhà nước. Tiếp tục khuyến khích, hướng dẫn các hộ dân tiếp cận nguồn vay vốn ưu đãi để đẩy mạnh phát triển sản xuất; đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của người dân, đảm bảo đúng mục đích, có hiệu quả.

### **4. Thương mại, dịch vụ, du lịch**

\* *Nhiệm vụ:* Tiếp tục khuyến khích mời gọi, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, mở rộng liên kết trong phát triển du lịch. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch các điểm du lịch, các làng văn hoá du lịch, để phát triển du lịch cộng đồng... duy trì hoạt



động của chợ xã, chợ biên giới, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ chất lượng hàng hoá, vệ sinh an toàn thực phẩm, không để hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng kém chất lượng bán trên thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 508,64 tỷ đồng trở lên; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống từ 111,17 tỷ đồng trở lên.

*\* Giải pháp thực hiện:* Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường, góp phần phát triển thương mại nông thôn miền núi. Tiếp tục duy trì và củng cố hoạt động của chợ xã, chợ biên giới; khuyến khích các tổ hợp tác, hợp tác xã, các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại, dịch vụ như vận tải hàng hoá, vận tải hành khách, sản xuất kinh doanh, du lịch; tăng cường kiểm tra, kiểm soát hàng hoá lưu thông trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Tiếp tục đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác “Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông” thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi; đầu tư, triển khai Quy hoạch trung tâm xã Khâu Vai gắn với văn hóa du lịch chợ tình Khâu Vai; khuyến khích đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng tại làng văn hóa du lịch thôn Tát Ngà, xã Tát Ngà; đầu tư xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Khâu Vai, xã Khâu Vai; duy trì sản xuất các sản phẩm truyền thống của địa phương; khôi phục và phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng theo từng dân tộc.

## **5. Xây dựng cơ bản, các chương trình dự án**

*\* Tăng cường quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ;* khắc phục tình trạng bố trí vốn dàn trải để nâng cao hiệu quả đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ thi công và tăng cường kiểm tra chất lượng các công trình; đơn đốc các đơn vị hoàn thành hồ sơ, trình duyệt quyết toán công trình. Triển khai thực hiện duy tu, sửa chữa các tuyến đường trước mùa mưa bão; xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019; tăng cường kiểm tra cấp phép xây dựng, kiểm tra trật tự xây dựng, giải phóng hành lang an toàn giao thông trên địa bàn huyện. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho nhân dân tại địa bàn.

*\* Giải pháp thực hiện:* Chỉ đạo, đơn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công, nhất là các công trình giáo dục, cấp nước sinh hoạt, thủy lợi, công trình làm đường giao thông nông thôn và các công trình duy tu bảo dưỡng sau đầu tư... Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt Chỉ thị 07/2015/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công. Chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư làm tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng các công trình trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh trong đầu tư xây dựng; nâng cao tinh thần trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, các đơn vị trường học trong việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, đặc biệt là các công trình sử dụng nguồn vốn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2018.

## **6. Phát triển các thành phần kinh tế, thu hút đầu tư**

*\* Nhiệm vụ:* Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường



đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, ổn định, thông thoáng, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Thực hiện tốt việc đăng ký kinh doanh, quản lý sau đăng ký kinh doanh.

\* *Giải pháp*: Tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào địa bàn, hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao năng lực quản lý, thuộc các thành phần kinh tế. Phát triển mạnh các hình thức kinh tế tập thể, các tổ hợp tác và HTX, khuyến khích liên kết rộng rãi giữa người lao động, các hộ sản xuất, các doanh nghiệp và nhà khoa học trong sản xuất - kinh doanh phát triển kinh tế. Khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành các hợp tác xã, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, khai thác tối đa tiềm năng về nhân lực, vốn, công nghệ của các thành phần kinh tế tư nhân vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

## **7. Khoa học công nghệ, Tài nguyên môi trường**

\* *Nhiệm vụ*: Tập trung triển khai kế hoạch thực hiện 4 nhiệm vụ đột phá về ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất tại địa bàn năm 2018.

Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí; giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra việc khai thác, sử dụng tài nguyên của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, các cơ sở khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm. Chủ động, thực hiện có hiệu quả các giải pháp ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; lồng ghép những nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai trong công tác xây dựng các quy hoạch, kế hoạch.

\* *Giải pháp thực hiện*: Tiếp tục triển khai nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về khoa học công nghệ, đồng thời đẩy mạnh áp dụng các ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển sản xuất, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và tính cạnh tranh của các sản phẩm trên địa bàn huyện.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, chủ trương, chính sách của tỉnh, của huyện trong việc đền bù giải phóng mặt bằng.

## **II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI**

### **1. Công tác giáo dục - đào tạo**

\* *Nhiệm vụ*: Chỉ đạo các cấp, các ngành, các đơn vị trường học chuẩn bị tốt các điều kiện cho năm học mới 2018-2019; xây dựng kế hoạch huy động học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT năm học 2018-2019. Phần đầu tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp tiểu học đi học THCS đạt 98,3%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT đạt 50%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT vào Đại học đạt 20%. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giáo dục nhằm nâng cao



chất lượng dạy và học. Phân đầu xây dựng hoàn thành 02 trường đạt chuẩn quốc gia trong năm 2018.

\* *Giải pháp thực hiện:* Làm tốt công tác chỉ đạo và xét tuyển sinh đầu vào các cấp học, thực hiện công tác tuyên truyền vận động học sinh tốt nghiệp THCS đi học trung học phổ thông. Tiếp tục ưu tiên đầu tư xây dựng các điểm trường, nhà lưu trú cho giáo viên và học sinh, tu sửa trường lớp trước khi vào năm học mới. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học cho các trường học trong lộ trình công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

## **2. Công tác Y tế, Dân số - KHHGD**

\* *Nhiệm vụ:* Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, triển khai tốt công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra dịch bệnh. Tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, phân đầu xây dựng và hoàn thành 02 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế và các xã tái đánh giá công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2018. Tăng cường công tác tuyên truyền công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, tập trung vào các nhiệm vụ giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.

\* *Giải pháp thực hiện:* Chỉ đạo ngành y tế tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và các hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên người, không để dịch bệnh lớn xảy. Tăng cường công tác truyền thông để nhân dân biết các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm. Tiếp tục đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế, nâng cao tinh thần trách nhiệm của y, bác sỹ. Đẩy mạnh công tác truyền thông dân số, áp dụng các biện pháp KHHGD, hạn chế thấp nhất tình trạng sinh con thứ 3 trở lên. Làm tốt công tác truyền thông dinh dưỡng xuống cơ sở cho các bậc cha mẹ trong việc nuôi dạy con. Tăng cường công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho các trạm y tế xã.

## **3. Văn hoá, thông tin và thể dục, thể thao**

\* *Nhiệm vụ:* Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng và nhà nước; tuyên truyền phục vụ các sự kiện chính trị lớn của Đảng, Nhà nước và của địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá các danh lam thắng cảnh, các lễ hội văn hóa, xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới trên Trang thông tin điện tử của huyện.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao; chăm lo xây dựng đời sống văn hoá cơ sở gắn với việc đẩy mạnh phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với "phong trào xây dựng nông thôn mới", nâng cao chất lượng xây dựng gia đình, thôn, tổ dân phố, cơ quan văn hóa. Phân đầu đến cuối năm 2018, tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa đạt 40,20%; tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt 49,74% trở lên.



\* *Giải pháp thực hiện:* Thực hiện rà soát công nhận và công nhận lại đối với các làng văn hoá và gia đình văn hoá của các xã, thị trấn. Tiếp tục củng cố, duy trì hoạt động các đội văn nghệ quần chúng; chỉ đạo tổ chức thi đấu giao lưu TDTT, tổ chức các giải thi đấu thể thao trong 6 tháng cuối năm để thúc đẩy phong trào phát triển. Tăng cường đưa các tin bài, phóng sự, chuyên trang phản ánh toàn diện đời sống kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, việc tuyên truyền phải bám sát vào nhiệm vụ chính trị của huyện...

#### **4. Công tác lao động, giảm nghèo, an sinh xã hội và công tác dân tộc**

\* *Nhiệm vụ:* Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tư vấn để đưa lao động đi xuất khẩu lao động và đi làm việc tại các doanh nghiệp ngoài tỉnh, đi làm việc tại Trung Quốc theo “*Biên bản thỏa thuận về quản lý lao động qua biên giới*”. Tập trung triển khai công tác giảm nghèo tại địa bàn. Thực hiện tốt các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các chính sách an sinh xã hội khác trên địa bàn huyện. Phấn đấu năm 2018, giải quyết việc làm cho 1.342 lao động trở lên; giúp đỡ 959 hộ thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm trong năm đạt từ 6,03% trở lên.

\* *Giải pháp thực hiện:* Tăng cường các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, giới thiệu việc làm, mở rộng và kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển sinh, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tư vấn giải quyết việc làm tại chỗ, xuất khẩu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, ngoài tỉnh và đi làm việc theo “*Biên bản thống nhất về quản lý lao động qua biên giới*”. Thực hiện chi trả chế độ, giải quyết chế độ cho các đối tượng; đồng thời, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tại cơ sở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Tiếp tục vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân giúp đỡ các hộ nghèo, xã nghèo để phát triển sản xuất kinh doanh, vươn lên thoát nghèo.

### **III. CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN; THANH TRA GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI; TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT**

Đẩy mạnh cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc theo cơ chế một cửa của huyện và UBND các xã, thị trấn, tập trung rà soát, đơn giản hóa, đề xuất bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị...

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch sát nhập các cơ quan, đơn vị theo Đề án số 22-ĐA/TU ngày 08/02/2018 của Tỉnh ủy Hà Giang về đổi mới, sắp xếp các cơ quan trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo ngạch; Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp.



Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo; không để tồn đọng đơn thư, khiếu nại vượt cấp... Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, tin học hóa công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu; thẩm định, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật.

#### **IV. QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI**

##### **1. Quốc phòng, an ninh**

Chỉ đạo các lực lượng duy trì nghiêm túc chế độ trực ban trong đơn vị và trên địa bàn huyện, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong đơn vị và trên địa bàn. Chỉ đạo lực lượng dân quân 03 xã biên giới phối hợp chặt chẽ với 02 Đoàn biên phòng Sầm Sơn, Lũng Làn tổ chức tuần tra, kiểm tra đường biên mốc giới. Chỉ đạo tiếp tục triển khai kế hoạch tổ chức diễn tập tại địa bàn các xã theo kế hoạch năm 2018. Chuẩn bị các điều kiện tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng cấp huyện năm 2018.

Chỉ đạo lực lượng Công an huyện và các cơ quan chức năng tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị, phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn; tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch mở đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm trên địa bàn.

##### **2. Đối ngoại**

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động giao lưu đối ngoại với huyện Phú Ninh và huyện Nà Pô, Trung Quốc, kịp thời giải quyết các vụ việc phát sinh trên tuyến biên giới, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, đẩy mạnh phát triển kinh tế biên mậu. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết với các huyện Phú Ninh và huyện Nà Pô, Trung Quốc, đặc biệt là công tác quản lý lao động qua biên giới, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật song phương, công tác phối hợp quản lý an ninh trật tự ở khu vực biên giới.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Mèo Vạc./.

##### **Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các thành viên UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND 18 các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Cao Cường**





**BIỂU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

(Kèm theo Báo cáo số: **450**/BC-UBND, ngày **02** tháng **7** năm 2018 của UBND huyện Mèo Vạc)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)		Ghi chú
						Thực hiện 6 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Thực hiện 6 năm 2018 so với KH năm 2018	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
A	<b>CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU</b>							
1	Thu ngân sách trên địa bàn (thuế và phí)	Tỷ đồng	28,39	157,37	74,40	262,06	47,28	
2	Giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng		616,37				Đánh giá cuối năm
3	Giá trị sản phẩm thu hoạch/lha đất cây trồng hàng năm	Triệu đồng		40,47				Đánh giá cuối năm
4	Tỷ trọng giá trị chăn nuôi/giá trị sản xuất nông nghiệp	%		47,99				Đánh giá cuối năm
5	Sản lượng lương thực bình quân đầu người	Kg/người/năm		426,76				Đánh giá cuối năm
6	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng		16,27				Đánh giá cuối năm
7	Giá trị sản xuất CN-TCN	Tỷ đồng	285,429	930,00	293,960	102,99	31,61	
8	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	153,90	508,64	278,900	181,22	54,83	
9	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng	36,868	111,17	70,45	191,09	63,37	
10	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%		1,62				Đánh giá cuối năm
11	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	965	1.342	995	103,11	74,14	
	Trong đó: Số đi lao động đi xuất khẩu lao động và làm việc tỉnh bạn	Người	412	170	190	46,12	111,76	
12	Số xã, thị trấn duy trì chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi	Xã, thị trấn	18	18	18	100,00	100,00	
13	Số trường đạt chuẩn quốc gia trong năm	Trường		2				Đánh giá cuối năm
14	Tỷ lệ huy động học sinh đi học:							Đánh giá năm học 2018-2019
	- Học sinh tốt nghiệp TH đi học THCS	%		98,30				



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)		Ghi chú
						Thực hiện 6 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Thực hiện 6 năm 2018 so với KH năm 2018	
	- Học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT	%		50,00				
	- Học sinh tốt nghiệp THPT vào đại học	%		20,00				
15	Số Trạm y tế xã, thị trấn và Phòng khám đa khoa khu vực có bác sĩ làm việc	Xã, thị trấn	18	18	18	100,00	100,00	
	Trong đó: Số trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ thường trú	Xã, thị trấn	8	11	10	125,00	90,91	
16	Số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế trong năm	Xã, thị trấn		2			-	Đánh giá cuối năm
17	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%		96,00			-	Đánh giá cuối năm
18	Tỷ lệ hộ thoát nghèo hàng năm	%		6,03			-	Đánh giá cuối năm
19	Tỷ lệ hộ dân cư dùng điện lưới quốc gia	%	68	76,00	69,30	101,91	91,18	
20	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%		75,18			-	Đánh giá cuối năm
21	Tỷ lệ hộ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%		90,00			-	Đánh giá cuối năm
22	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa	%		40,20			-	Đánh giá cuối năm
23	Số xã, thôn điển hình về phát triển kinh tế nông nghiệp	xã		2,00			-	Đánh giá cuối năm
	Trong đó thôn điển hình về phát triển kinh tế nông nghiệp	thôn		19,00			-	Đánh giá cuối năm
24	Số thôn đạt tiêu chí nông thôn mới	thôn		02			-	Đánh giá cuối năm
<b>B</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ</b>							
<b>I</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
1	Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân/1ha đất cây trồng hàng năm	Tr.đ/ha		40,47			-	Đánh giá cuối năm
2	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	656,30	35.682,48	607,50	92,56	1,70	Đánh giá cuối năm
	Trong đó: + Thóc	Tấn	628,10	7.832,72	600,00	95,53	7,66	
	+ Ngô	Tấn		27.814,52			-	
	+ Tam giác mạch	Tấn	28,20	35,24	7,50		21,29	
3	Cây lương thực	Ha	7.282,20	8.748,00	7.148,000	98,16	81,71	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)		Ghi chú
						Thực hiện 6 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Thực hiện 6 năm 2018 so với KH năm 2018	
3.1	<b>Cây lúa ruộng cả năm</b>	<b>Ha</b>	<b>104</b>	<b>1.328,00</b>	<b>100,00</b>	<b>96,15</b>	<b>7,53</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	60,40	58,98	60,00	99,34	101,73	
	Sản lượng	Tấn	628,10	7.832,72	600,00	95,53	7,66	
a	<b>Cây lúa xuân</b>	<b>Ha</b>	<b>104,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>96,15</b>	<b>100,00</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	60,40	60,00	60,00	99,34	100,00	
	Sản lượng	Tấn	628,10	600,00	600,00	95,53	100,00	
b	<b>Cây lúa mùa</b>	<b>Ha</b>		<b>1.228,00</b>			-	Đánh giá cuối năm
	Năng suất	Tạ/ha		58,90			-	
	Sản lượng	Tấn		7.232,72			-	
3.2	<b>Cây ngô cả năm</b>	<b>Ha</b>	<b>7.118,20</b>	<b>7.151,20</b>	<b>7.033,00</b>	<b>98,80</b>	<b>98,35</b>	
	Năng suất	Tạ/ha		38,89			-	
	Sản lượng ngô cả năm	Tấn		27.814,52			-	
a	<b>Cây ngô vụ Xuân - Hè (vụ 1)</b>	<b>Ha</b>	<b>7.118,20</b>	<b>7.033,20</b>	<b>7.033,00</b>	<b>98,80</b>	<b>100,00</b>	
	Năng suất	Tạ/ha		39,07			-	
	Sản lượng	Tấn		27.477,34			-	
b	<b>Cây ngô vụ Hè - Thu (vụ 2)</b>	<b>Ha</b>		<b>118,00</b>			-	Đánh giá cuối năm
	Năng suất	Tạ/ha		28,50			-	
	Sản lượng	Tấn		336,29			-	
3.3	<b>Cây tam giác mạch</b>	<b>Ha</b>	<b>60,00</b>	<b>70,00</b>	<b>15,00</b>	<b>25,00</b>	<b>21,43</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	4,70	5,03	5,00	106,38	99,33	
	Sản lượng	Tấn	28,20	35,24	7,50	26,60	21,29	
4	<b>Cây chất bột có củ</b>	<b>Ha</b>		<b>358,30</b>	<b>232,20</b>		<b>64,81</b>	
4.1	<b>Cây khoai lang cả năm</b>	<b>Ha</b>	<b>60,00</b>	<b>251,30</b>	<b>124,90</b>	<b>208,17</b>	<b>49,70</b>	
a	<b>Vụ xuân</b>	<b>Ha</b>	<b>60,00</b>	<b>66,30</b>	<b>66,40</b>	<b>110,67</b>	<b>100,15</b>	
b	<b>Vụ mùa</b>	<b>Ha</b>		<b>85,00</b>	<b>58,50</b>		<b>68,82</b>	
c	<b>Vụ đông</b>	<b>Ha</b>		<b>100,00</b>			-	
4.2	<b>Cây khoai sọ</b>	<b>Ha</b>		<b>54,00</b>	<b>51,30</b>		<b>95,00</b>	
4.3	<b>Cây sắn</b>	<b>Ha</b>		<b>27,00</b>	<b>27,500</b>		<b>101,85</b>	
4.4	<b>Cây giồng giềng</b>	<b>Ha</b>		<b>26,00</b>	<b>28,500</b>		<b>109,62</b>	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)		Ghi chú
						Thực hiện 6 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Thực hiện 6 năm 2018 so với KH năm 2018	
5	Cây thức ăn gia súc	Ha	4.702	5.000	4.918	104,59	98,36	
5.1	Diện tích cỏ lưu gốc	Ha	4.500	4.750	4.750	105,56	100,00	
5.2	Diện tích cỏ trồng mới	Ha	202	250	168	83,17	67,20	
	Tr.đó: DT chuyển đổi theo NQ 07-NQ/HU	Ha	25	60	60	240,00	100,00	
6	Cây thực phẩm	Ha	3.880,00	4.352,00	3.608	92,99	82,90	
-	Đậu các loại (cả năm)	Ha	1.500,00	1.415,00	1.257	83,80	88,83	
-	Rau các loại (cả năm)	Ha	2.380,00	2.937,00	2.351	98,78	80,05	
*	Tr.đó: Vụ đông	Ha		1.600,00			-	
7	Cây công nghiệp hàng năm	Ha	924,00	3.537,00	777,00	84,09	21,97	
7.1	Cây đậu tương (cả năm)	Ha	850,00	3.492,00	750,00	88,24	21,48	
	Năng suất	Tạ/ha	10,90	11,37	10,90	100,00	95,90	
	Sản lượng	Tấn	926,50	3.967,93	817,50	88,24	20,60	
a	Vụ Xuân - Hè	Ha	850,00	800,00	750,00	88,24	93,75	
	Năng suất	Tạ/ha	10,90	10,90	10,90	100,00	99,99	
	Sản lượng	Tấn	926,50	872,05	817,50	88,24	93,74	
b	Vụ Hè - Thu	Ha		2.692,00			-	
	Năng suất	Tạ/ha		11,50			-	
	Sản lượng	Tấn		3.095,88			-	
7.2	Cây lạc	Ha	22,00	45,00	27,00	122,73	60,00	
	Năng suất	Tạ/ha	16,00	19,20		-	-	
	Sản lượng	Tấn	35,20	86,40		-	-	
8	Cây lâu năm	Ha	227,50	352,98	314,200	138,11	89,01	
	Tr.đó: Diện tích trồng mới	Ha		113,98	44,40		38,95	
8.1	Cây chè	Ha	62,00	62,00	62,00	100,00	100,00	
	Tr.đó: Diện tích cho sản phẩm	Ha	62,00	62,00	62,00	100,00	100,00	
	Sản lượng chè búp tươi	Tấn		90,00			-	
8.2	Cây ăn quả (tổng số)	Ha	155,50	271,48	242,200	155,76	89,21	
*	Tr.đó: DT trồng mới	Ha		64,40	34,40		53,42	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)		Ghi chú
						Thực hiện 6 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Thực hiện 6 năm 2018 so với KH năm 2018	
8.3	Cây được liệu (tổng số)	Ha	10,00	19,50	10,00	100,00	51,28	
	Tr.đó: Diện tích trồng mới	Ha		10,00	10,00		100,00	
II	CHĂN NUÔI							
1	Tổng đàn gia súc	Con	82.030	92.455	84.887	103,48	91,81	
-	Đàn trâu	Con	4.175	4.357	4.334	103,81	99,47	
-	Đàn bò	Con	27.990	29.757	29.232	104,44	98,24	
-	Đàn lợn (không kể lợn sữa)	Con	29.980	35.720	31.541	105,21	88,30	
-	Đàn dê	Con	19.782	22.516	19.690	99,53	87,45	
-	Đàn ngựa	Con	103	105	90	87,38	85,71	
*	Thụ tinh nhân tạo cho đàn bò cái	Con		1.000	242		24,20	
2	Đàn gia cầm	Con	329.641	501.375	376.395	114,18	75,07	
3	Đàn ong	Đàn	3.650,00	14.000	6.533	178,99	46,66	
	Sản lượng mật ong	Lít		88.200			-	
4	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	11,00	12,00	11,500	104,55	95,83	
5	Tiêm phòng gia súc	Liều	28.900	184.000	58.525	202,51	31,81	
III	LÂM NGHIỆP							
1	Trồng mới							
1.1	Rừng phòng hộ (tập trung)	Ha	105,00	250,00		-	-	
1.2	Trồng cây phân tán	Nghìn cây	150,00	500,00	24,50	16,33	4,90	
1.3	Rừng sản xuất	ha			76,30			
2	Bảo vệ rừng	Ha	20.994,10	20.994,00	20.815,000	99,15	99,15	
3	Chăm sóc rừng	Ha	959,20	653,00	368,500	38,42	56,43	
4	Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha		2.590,00			-	
5	Tỷ lệ che phủ rừng	%		38,00				Đánh giá cuối năm
B	CÔNG NGHIỆP - THỦ CÔNG NGHIỆP							
1	Một số sản phẩm chủ yếu							
-	Chế biến chè	Tấn	0,40	6,00	3,20	800,00	53,33	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)		Ghi chú
						Thực hiện 6 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Thực hiện 6 năm 2018 so với KH năm 2018	
-	Gạch các loại	1000 viên	376	1.380,00	697,00	185,37	50,51	
-	Điện sản xuất ra	Triệu Kwh	230,38	753,367	243,460	105,68	32,32	
2	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	68	76,00		-	-	Đánh giá cuối năm
C	Văn hóa- xã hội							
I	Y TẾ - DÂN SỐ - KHHGD							
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm, uống đủ 7 loại vắc xin	%		96,00	41,24		42,96	Đánh giá cuối năm
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi)	%		22,20	22,20		100,00	
3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (chiều cao/tuổi)	%		50,50	49,18		97,39	
4	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%		100,00				Đánh giá cuối năm
II	GIÁO DỤC							
1	Tỷ lệ huy động 0 đến 2 tuổi	%	10,52	12,00	10,00	95,06	83,33	
2	Tỷ lệ huy động 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	%	96,57	95,00	95,60	99,00	100,63	
	Trong đó: 5 tuổi đi mẫu giáo	%	99,31	99,00	99,40	100,09	100,40	
3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi 6 tuổi vào lớp 1	%		99,00				Đánh giá năm học 2018-2019
4	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT và các trường nghề	%		50,00				Đánh giá năm học 2018-2019
5	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi (6-14 tuổi)	%	98,10	98,10	98,10	100,00	100,00	
6	Số trường đạt chuẩn quốc gia trong năm	trường		2,00				Đánh giá cuối năm
	Trường mầm non (Hoa Đào)	trường		1,00				
	Trường tiểu học	trường		1,00				
III	VĂN HÓA							
1	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%		49,74				Đánh giá cuối năm
2	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận tiêu chí văn hóa	%		40,20				Đánh giá cuối năm
3	Xây dựng Làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới	Làng		1,00				Đánh giá cuối năm



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)		Ghi chú
						Thực hiện 6 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017	Thực hiện 6 năm 2018 so với KH năm 2018	
4	Số hộ gia đình được công nhận đạt tiêu chí GD văn hoá trong năm	Hộ		7.500				Đánh giá cuối năm
5	Số làng bản, khu phố văn minh đô thị được công nhận danh hiệu	Làng, bản		80				Đánh giá cuối năm
IV	<b>LAO ĐỘNG - GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM- GIẢM NGHÈO</b>							
1	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	965	1.342	995,00	103,11	74,14	
	<i>Trong đó: Số đi lao động đi xuất khẩu lao động và làm việc tỉnh bạn</i>	<i>Người</i>	412	170	190	46,12	111,76	
2	Số lao động được dạy nghề ngắn hạn (đào tạo nghề )	Lao động	126	1.200	431,00	342,06	35,92	
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (lũy tiến)	%		41,00				Đánh giá cuối năm
4	Tỷ lệ hộ nghèo giảm trong năm	%		6,03				Đánh giá cuối năm
5	Số hộ thoát nghèo	Hộ		959				Đánh giá cuối năm

